

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHÉ ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐÁU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐÁU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

Địa chỉ: 202 Quang Trung, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 02903.835052 Fax: 02903.835052

TRỌN GIAI ĐOẠN THI ĐẤU GIÁ



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN AGRIBANK – CN MIỀN NAM

Địa chỉ: 2a Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028.39141790 Fax: 028.39142830

Tháng 05 năm 2019

MỤC LỤC

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA	6
II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.....	6
III. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU	7
IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN	7
V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP.....	8
VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP	10
1. Tình hình đất đai đang sử dụng	10
2. Phương tiện vận tải	14
3. Dụng cụ quản lý	16
VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON.....	16
VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	16
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	16
2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá	20
3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	22
IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	23
1. Vị thế của Công ty trong ngành.....	23
2. Triển vọng phát triển của ngành	23
3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước	23
X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIÉN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	24
1. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa	24
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020	24
XI. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	28
1. Vốn điều lệ	28
2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần: Chưa có	28
XII. RỦI RO DỰ KIẾN.....	28
1. Rủi ro về kinh tế	29
2. Rủi ro về luật pháp	31
3. Rủi ro đặc thù	31
4. Rủi ro của đợt chào bán	31

5. Rủi ro khác.....	31
XIII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	32
1. Phương thức bán	32
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	35
XIV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA.....	35
XV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá.....	37
2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau	37
3. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán Agibank – Chi nhánh Miền Nam.....	37

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Các ngành nghề kinh doanh.....	6
Bảng 2: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	7
Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản tại thời điểm 30/06/2018	8
Bảng 4. Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty tại thời điểm 30/06/2018	11
Bảng 5. Tình hình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 30/06/2018	13
Bảng 6. Tình hình hình phương tiện vận tải tại thời điểm 30/06/2018.....	14
Bảng 7. Tình hình hình máy móc thiết bị tại thời điểm 30/06/2018.....	16
Bảng 8. Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2016 - 30/06/2018.....	16
Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2016 - 30/06/2018	17
Bảng 10. Cơ cấu chi phí sản xuất giai đoạn 2016 - 30/06/2018	17
Bảng 11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	20
Bảng 12: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 30/06/2018.....	21 21
Bảng 13: Cơ cấu vốn điều lệ	28
Bảng 14: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	35

CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ Về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sáp xếp lại Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ Về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sáp xếp lại công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 17/05/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 06/06/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Quyết định số 289/SKHĐT-BCĐ ngày 25/06/2018 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Cà Mau.

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau;

- Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.

I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

Tên tiếng Việt đầy đủ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU
Tên tiếng Anh	CA MAU URBAN ENVIRONMENT LIMITED COMPANY
Tên tiếng Anh viết tắt	CAMENCO
Địa chỉ trụ sở chính	Số 202 đường Quang Trung, Phường 5, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại	02903.835052
Fax	02903.835052

Logo



Vốn Điều lệ : 30.000.000.000 đồng

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau số 2001128655 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 20/09/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02/01/2019, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 1. Các ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
01	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
02	Thu gom rác thải không độc hại	3811
03	Thu gom rác thải độc hại	3812
04	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821

05	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
06	Hoạt động quản lý kinh doanh, thiết kế và thi công các công trình công cộng, cây xanh, công viên, mai táng, hệ thống điện chiếu sáng	7110

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

III. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHỦ YẾU

Trên cơ sở ngành nghề kinh doanh đã đăng ký, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Môi trường đô thị Cà Mau hiện đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu sau:

- Dịch vụ vệ sinh đô thị: quét dọn đường phố, vỉa hè; thu gom rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, hộ kinh doanh và các tổ chức kinh tế xã hội; thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn độc hại và không độc hại.
- Vệ sinh mương cống thoát nước, xử lý nước thải.
- Quản lý và chăm sóc cây xanh, công viên đô thị. Kinh doanh cây xanh, hoa kiểng.
- Quản lý, bảo dưỡng, vận hành khai thác hệ thống chiếu sáng công cộng và đèn tín hiệu giao thông.
- Thiết kế và thi công các công trình công cộng thuộc môi trường đô thị: công trình thoát nước; công trình công viên cây xanh; công trình điện chiếu sáng, điện trang trí,...
- Kinh doanh vật tư, thiết bị và các dịch vụ khác thuộc chuyên ngành.

IV. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Trên cơ sở số lao động hiện có và nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

Bảng 2: Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng(%)
Tổng cộng	209	100%
Phân theo trình độ lao động		
- Trên đại học	0	0,0%
- Trình độ đại học	30	14,3%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	39	18,7%
- Trình độ khác	140	67,0%

Phân theo loại hợp đồng lao động			
- Lao động không thuộc diện ký HD	5	2,4%	
- Hợp đồng không thời hạn	179	85,6%	
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	25	12,0%	
- Hợp đồng thời vụ	0		
Phân theo giới tính			
-Nam	146	69,9%	
-Nữ	63	30,1%	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

V. GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2018 là 37.305.863.518 đồng (Ba mươi bảy tỷ ba trăm lẻ năm triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm mười tám đồng).

- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm 30/06/2018 để cổ phần hóa là 20.536.780.000 đồng (Hai mươi tỷ năm trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau tại thời điểm 30/06/2018 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản tại thời điểm 30/06/2018

Đvt: đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(5)	(6=5-4)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	68.742.864.283	37.305.863.518	(31.437.000.765)
I	TSCĐ và Đầu tư dài hạn	53.052.671.128	17.171.129.528	35.881.541.600
1	Tài sản cố định	13.994.500.662	16.856.453.626	2.861.952.964
a	TSCĐ hữu hình	13.994.500.662	16.856.453.626	2.861.952.964
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.498.497.156	3.866.863.092	1.368.365.936

Số Stt	Chỉ tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(5)	(6=5-4)
	- <i>Nguyên giá</i>	5.162.161.658	7.908.573.068	2.746.411.410
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	2.663.664.502	4.041.709.976	1.378.045.474
1.2	<i>Máy móc, thiết bị</i>	-	-	-
	- <i>Nguyên giá</i>			
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
1.3	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	11.393.214.598	12.843.897.993	1.450.683.395
	- <i>Nguyên giá</i>	19.613.350.342	17.850.443.958	(1.762.906.384)
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	8.220.135.744	5.006.545.965	(3.213.589.779)
1.4	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	102.788.908	145.692.540	42.903.632
	- <i>Nguyên giá</i>	416.583.000	329.701.950	(86.881.050)
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	313.794.092	184.009.410	(129.784.682)
b	<i>TSCĐ vô hình</i>	-	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			-
3	Tài sản chờ dang dài hạn	279.668.022	279.668.022	-
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn			-
5	Chi phí trả trước dài hạn	35.007.880	35.007.880	-
6	Các khoản phải thu dài hạn	38.743.494.564	-	(38.743.494.564)
6.1	<i>Phải thu dài hạn khác</i>	38.743.494.564	-	(38.743.494.564)
II	<i>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</i>	15.690.193.155	16.096.492.321	406.299.166
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	855.875.127	855.875.127	-
1.1	<i>Tiền mặt</i>	28.523.504	28.523.504	-
1.2	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	827.351.623	827.351.623	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu	14.089.805.625	14.089.805.625	-
3.1	<i>Phải thu khách hàng</i>	13.660.092.797	13.660.092.797	-
3.2	<i>Trả trước cho người bán</i>	40.000.000	40.000.000	-
3.3	<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	389.712.828	389.712.828	-
4	Vật tư, hàng hóa tồn kho	731.051.569	731.051.569	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
6	Chi phí trả trước ngắn hạn	13.460.834	419.760.000	406.299.166
III	<i>Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp (nếu có)</i>		4.038.241.669	4.038.241.669
IV	<i>Giá trị quyền sử dụng đất</i>	-	-	-
B	<i>TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</i>	-	-	-
C	<i>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</i>	-	-	-
	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	-	-	-

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(5)	(6=5-4)
	- Nguyên giá	1.142.532.905	1.142.532.905	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	1.142.532.905	1.142.532.905	-
I	TSCĐ và Đầu tư dài hạn	-	-	-
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn:			-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUÝ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	-	-	-
E	TÀI SẢN KHÔNG CÓ PHẦN HÓA	797.261.061	39.540.755.625	38.743.494.564
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	38.743.494.564	38.743.494.564
II.	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	797.261.061	797.261.061	-
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	797.261.061	797.261.061	-
	- Nguyên giá	797.261.061	797.261.061	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-
2	Máy móc thiết bị			
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn			
4	Thiết bị dụng cụ quản lý			
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D+E)	69.540.125.344	76.846.619.143	7.306.493.799
	Trong đó:			-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (A)	68.742.864.283	37.305.863.518	(31.437.000.765)
F1	Nợ thực tế phải trả	55.559.415.452	16.693.253.448	(38.866.162.004)
F2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	75.832.007	75.832.007	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DN [A-(F1+F2)]	13.107.616.824	20.536.778.063	7.429.161.239

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 30/06/2018)

VI. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

1. Tình hình đất đai đang sử dụng

Công ty còn được giao quản lý sử dụng 05 khu đất với tổng diện tích đất công ty đang quản lý và sử dụng: 55.783,04 m², chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 4. Tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty tại thời điểm 30/06/2018

Số	Tên công trình	Xã, phường	Diện tích	Nguồn gốc	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sau cỏ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cỏ phần hóa
1	Trụ sở chính Công ty	Đường Quang Trung, phường 5, thành phố Cà Mau	612,5	Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 21/8/2012	GCNQSDD cấp cho Công ty Cáp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau ngày 26/01/2007 và đã được thu hồi GCNQSDD	Thuê đất; trả tiền thuê hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ
2	Khu đất Ven sông Kinh Xáng Phụng Hiệp	Đường Quang Trung, phường 5, thành phố Cà Mau	91,0	của UBND tỉnh về việc cỏ phần hóa bộ phận doanh nghiệp Công ty TNHH	Không có Quyết định giao đất, cho thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Thuê đất; trả tiền thuê hàng năm	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp
3	Trụ sở Đội Chiếu sáng công cộng và Đội Công viên cây xanh	Số 95 đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Cà Mau	87,9	Không có Quyết định giao đất, cho thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Thuê đất; trả tiền thuê hàng năm	Đất thương mại, dịch vụ	
4	Xưởng Cơ khí và Vườn ươm cây xanh	Khóm 6, phường 9, thành phố Cà Mau	12.973,24	MTV Cáp thoát nước và Công trình đô thị	Thuê đất; trả tiền thuê hàng năm	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

5	Đất Bãi chứa chất thải	Khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau	Cà Mau	Không có Quyết định giao đất, cho thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Thuê đất; tiền thuê hàng năm	Đất bãi thải; trả lý chất thải
	Tổng		55.783,04			

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau)

Nhà cửa, vật kiến trúc**Bảng 5. Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm 30/06/2018**

ĐVT: Đồng

TT	Tên tài sản	Đơn vị	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
					Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Trụ sở công ty Khu A	m ²	793.60	1998	1,419,504,707	521,206,291	3,547,392,000	1,897,854,720
2	CT XD hàng rào công ty	m ²	29.37	1998	54,581,000	0	60,091,790	21,032,127
2.1	Công rào	m ²	9.50				17,033,500	
2.2	Hàng rào	m ²	19.87				43,058,290	
3	Nhà xe cứu hỏa	m ²	36.00	2004	57,662,964	0	55,188,000	17,218,656
4	Nhà xe nhà bảo vệ	m ²	30.10	2006	30,486,192	0	67,514,300	23,427,462
5	Xưởng cơ khí	m ²	67.50	1998	99,459,000	0	126,900,000	40,227,300
6	Phòng dịch vụ kinh doanh (Cty Cũ)	m ²	61.75	1999	69,169,102	21,264,642	130,416,000	46,558,512
7	Nhà xe nhà kho		27.00	2003	69,328,559	0	41,391,000	12,996,774
8	Kho lưu trữ chất thải nguy hại		492.00	2009	1,567,555,221	1,567,555,221	1,293,468,000	465,648,480
9	Hệ thống HTKT Khu nhà ở CBCNV Cty		1.00	2010	1,297,471,981	127,900,432	1,769,103,046	654,568,127
10	Giếng nước ngầm 10m ³ /h		1.00	2014	44,320,000	0	44,320,000	19,944,000

11	Nhà số 95 Lê Lợi -Trụ sở đội chiếu sáng		120.20	2014	131,185,000	51,380,787	451,351,000	398,542,933
12	Nâng nền sân hè trụ sở Công ty		618.00	2015	69,796,932	35,867,862	69,796,932	57,652,266
13	Nhà để xe ô tô - Xưởng cơ khí phường 9		550.00	2016	95,322,000	56,502,879	95,322,000	82,072,242
14	Hồ chứa nước tưới cây (XCK phường 9)		80.00	2016	156,319,000	116,819,042	156,319,000	129,119,494
	TỔNG CỘNG				5,162,161,658	2,498,497,156	7,908,573,068	3,866,863,092

2. Phương tiện vận tải

Bảng 6. Tình hình hình phương tiện vận tải tại thời điểm 30/06/2018

ĐVT: Đồng

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Xe úi BD 20 - 20422 (Ngọc Hiển)	2002	Chiếc	30,271,429	-	78,953,333	23,686,000
2	Xe úi Komatsu D30P-15	2007	Chiếc	166,476,190	-	89,573,333	26,872,000
3	Xe thang nâng tầm cao 14m 69C- 01383	2000	Chiếc	184,116,381	-	171,883,333	61,878,000
4	Xe thang sửa đèn đường 5294	1993	Chiếc	92,822,000	-	63,070,588	21,444,000
5	Xe cứu hỏa hiệu ISUZU 69C- 013.50	2004	Chiếc	215,000,000	-	194,587,097	60,322,000
6	Xe thiết kế chở rác hiệu STEYR 5961	2004	Chiếc	250,000,000	-	111,937,500	35,820,000

7	Xe quét đường IFA W50 5681	2004	Chiếc	166,666,667	-	129,565,625	41,461,000
8	Xe hút hầm cầu DONGFENG 1032 TQ 6077	2005	Chiếc	331,748,425	-	268,582,353	91,318,000
9	Xe tải CHUANMU 2,5 tấn 69C-014.32	2006	Chiếc	151,682,048	-	119,591,429	41,857,000
10	Xe ôtô hút chất thải 69C-013.06	2006	Chiếc	447,295,238	-	200,380,000	60,114,000
11	Xe chở rác IFA W50 69C-014.53	2006	Chiếc	404,761,905	-	218,545,714	76,491,000
12	Tàu vớt rác Tr sông (VR1)	2008	Chiếc	101,303,973	-	101,303,973	25,325,993
13	Tàu vớt rác Tr sông (VR2)	2013	Chiếc	200,000,000	-	200,000,000	48,000,000
14	Xe ép rác MISHUBISHI 69C-02.765	2014	Chiếc	1,002,692,350	438,744,966	776,428,814	458,093,000
15	Xe ép rác HINO 69C-02.928	2014	Chiếc	1,245,000,000	583,593,750	938,274,603	591,113,000
16	Xe ép rác HINO 69C- 02.902	2014	Chiếc	1,245,000,000	583,593,750	1,022,257,377	623,577,000
17	Xe tải nhỏ SYM T880 69C-014.75	2014	Chiếc	175,524,091	60,945,846	122,736,207	71,187,000
18	Xe hút hầm cầu 69C-014.13	2014	Chiếc	195,454,545	76,010,077	170,068,627	86,735,000
19	Xe ép rác HINO 69C-013.98	2014	Chiếc	1,655,181,818	982,764,215	1,520,350,769	988,228,000
20	Xe tải HINO 69C- 017.63	2015	Chiếc	686,598,182	409,098,099	686,598,182	416,801,000
21	Xe Ô tô INNOVA(G) 69C- 021.55	2015	Chiếc	763,063,636	502,042,525	763,063,636	523,633,000
22	Xe ép rác HINO 69C-023.43	2016	Chiếc	1,462,380,000	1,007,179,750	1,462,380,000	1,194,573,000
23	Xe ép rác HINO 69C-023.17	2016	Chiếc	1,738,736,646	1,203,998,863	1,738,736,646	1,365,059,000
24	Xe tải Hiệu DONGENG 69C- 023.08	2016	Chiếc	640,000,000	445,161,281	640,000,000	542,850,000
25	Xe ép rác HINO 69C-028.77	2016	Chiếc	1,723,393,000	1,310,496,770	1,723,393,000	1,361,354,000
26	Xe ép rác HINO 69C-030.93	2016	Chiếc	906,417,273	736,464,027	906,417,273	794,100,000
27	Xe Tưới Nước DONGFENG 69C-03.108	2017	Chiếc	618,181,818	503,311,338	618,181,818	620,307,000
28	Xe ép rác HINO 69C-038.47	2017	Chiếc	1,339,185,091	1,213,636,486	1,339,185,091	1,227,711,000
29	Xe cẩu ISUZU 69C-037.70	2017	Chiếc	1,474,397,636	1,336,172,855	1,474,397,636	1,363,988,000
30	TỔNG CỘNG			19,613,350,342	11,393,214,598	17,850,443,958	12,843,897,993

3. Dụng cụ quản lý

Bảng 7. Tình hình hình máy móc thiết bị tại thời điểm 30/06/2018

ĐVT: Đồng

TT	Tên tài sản	Năm SD	Đơn vị	Giá trị sổ sách		Giá trị xác định lại	
				Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy vi tính	2013	Cái	35,000,000	-	26,250,000	10,500,000
2	Máy photocopy Canon IR2420L	2013	Cái	36,289,000	-	27,216,750	10,886,700
3	Máy in Tally 6815Q	2014	Cái	345,294,000	102,788,908	276,235,200	124,305,840
	TỔNG CỘNG			416,583,000	102,788,908	329,701,950	145,692,540

VII. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON

Không có

VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỘ PHẦN HÓA

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

a. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

- Cơ cấu doanh thu trong từng lĩnh vực hoạt động như sau:

Bảng 8. Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2016 - 30/06/2018

ĐVT: triệu đồng

STT	DOANH THU	NĂM 2016		NĂM 2017		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	38,650	99.28%	39,412	99.66%	22,447	99.88%
II	Doanh thu từ hoạt động tài chính	22	0.06%	17	0.04%	3	0.01%

III	Thu nhập khác	258	0.66%	117	0.30%	24	0.11%
	TỔNG CỘNG	38,930	100%	39,546	100%	22,474	100%

(*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, 2017*

và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

- Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty:

Bảng 9. Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2016 - 30/06/2018

ĐVT: triệu đồng

STT	LỢI NHUẬN	NĂM 2016		NĂM 2017		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	13,715	70.37%	14,489	71.14%	7,129	73.98%
2	Từ hoạt động tài chính	5,526	28.35%	5,784	28.40%	2,491	25.85%
3	Lợi nhuận khác	249	1.28%	95	0.47%	16	0.17%
	TỔNG CỘNG	19,490	100%	20,368	100%	9,636	100%

(*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, 2017*

và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

b. Nguyên vật liệu

Nguyên, vật liệu phục vụ cho lĩnh vực sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích cho Công ty chủ yếu gồm: cây xanh, điện, nguyên nhiên liệu xử lý rác thải, xi măng, đá, cát, sỏi...đều do các nhà cung cấp trong và ngoài tỉnh cung ứng.

Trong các năm qua, nguồn cung ứng nguyên, vật liệu nói trên cho Công ty đều ổn định, kịp thời.

c. Chi phí sản xuất

Bảng 10. Cơ cấu chi phí sản xuất giai đoạn 2016 - 30/06/2018

ĐVT: triệu đồng

STT	YÊU TỐ CHI PHÍ	NĂM 2016		NĂM 2017		6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	24,930	75.21%	24,790	73.92%	15,318	76.72%
2	Chi phí tài chính	13	0.04%	-	0.00%	3	0.02%
3	Chi phí bán hàng	1,867	5.63%	1,686	5.03%	982	4.92%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,330	19.10%	7,036	20.98%	3,656	18.31%
5	Chi phí khác	9	0.03%	22	0.07%	8	0.04%
TỔNG CỘNG		33,149	100%	33,534	100%	19,967	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, 2017

và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

Tổng chi phí của Công ty có sự thay đổi về giá trị tuy nhiên tỷ trọng Chi phí/ Doanh thu thuần không có nhiều biến động. Tỷ trọng Chi phí/ Doanh thu thuần khá cao tác động nhiều đến hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng khá lớn, bình quân khoảng trên 70% tổng chi phí; chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 20% tổng chi phí.

d. Trình độ công nghệ

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau thuộc nhóm doanh nghiệp có trình độ công nghệ ở mức trung bình. Cà Mau là đô thị loại 2 nên Công ty phải trang bị đủ máy móc thiết bị hoạt động để đảm bảo công tác vệ sinh môi trường và mỹ quan của thành phố, cụ thể như sau:

- Thoát nước đô thị: Trình độ công nghệ đang áp dụng ở mức trung bình gồm: Công nhân lao động phổ thông với dụng cụ gầu múc, xéng...; máy kéo tời; xe chở bùn thùng rời; xe ben tự đổ.
- Duy trì, chăm sóc cây xanh đô thị: Trình độ công nghệ đang áp dụng ở mức trung bình gồm: Công nhân lao động phổ thông với dụng cụ dao, cuốc, xéng...; máy cưa, máy phát cỏ, máy tia cây cầm tay; xe chở cây; xe cầu có thùng chứa người tía nhánh trên cao.

- Chiếu sáng đô thị: Trình độ công nghệ đang áp dụng ở mức trung bình tiên tiến gồm: Công nhân vận hành với trình độ chuyên môn cao; thiết bị sử dụng trong chiếu sáng thuộc loại mới, hiện đại; xe chuyên dùng...
- Vệ sinh đô thị: Trình độ công nghệ đang áp dụng ở mức lạc hậu gồm: Công nhân lao động phổ thông với dụng cụ thô sơ như chổi, xe chở rác kéo tay; thùng rác công cộng.

Thu gom rác thải không độc hại: Trình độ công nghệ đang áp dụng ở mức trung bình tiên tiến gồm: Công nhân lao động phổ thông ...; xe ô tô chở rác từ 2 đến 7 tấn loại đời mới có hệ thống thu hồi chống tràn nước rỉ rác.

e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động công ích, Công ty tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ công ích chủ yếu trên địa bàn thành phố Cà Mau, do Ủy ban nhân dân Thành phố Cà Mau đặt hàng hàng năm. Vì vậy, Công ty tập trung nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp tổ chức quản lý và quản trị sản xuất nhằm cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đảm bảo số lượng, chất lượng, kịp thời với chi phí hợp lý, hiệu quả.

f. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Quy trình kiểm tra chất lượng hiện nay công ty đang áp dụng:

- Kiểm tra các sản phẩm nhập kho công ty thông qua hình thức nghiệm thu thực tế căn cứ vào nhãn mác, xuất xứ.
- Công ty kiểm tra chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường thông qua tổ kiểm tra chuyên trách của Công ty bằng hình thức kiểm tra thực tế hiện trường.
- Giám sát chất lượng dịch vụ của các dịch vụ công ích chặt chẽ dựa vào các quy định của Bộ luật Xây dựng và các bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị thông qua Phòng Quản lý Đô thị và lực lượng của địa phương, kiểm tra thông qua biên bản nghiệm thu để làm cơ sở để nghiệm thu khối lượng dịch vụ.

g. Hoạt động Marketing

Do đặc thù của lĩnh vực công ích đô thị, Công ty ít thực hiện việc marketing, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện đại chúng. Chủ yếu là quảng bá trên các trang báo ngành môi trường và quảng bá dịch vụ tư (ví dụ như dịch vụ hút hầm cầu).

h. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp nhà nước hoạt động mang tính chất phục vụ là chủ yếu, Công ty hiện chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng. Dự kiến sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ tiến hành đăng ký nhãn hiệu thương mại cho sản phẩm, dịch vụ của mình.

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm/dịch vụ	Giá trị (ngàn đồng)
01	Hợp đồng số 03/2017/HĐ-KT ngày 20/06/2017	Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	Mua xe ô tô chuyên dùng	3.015.000
02	Hợp đồng số 29/2017/HĐ-DV ngày 15/12/2017	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Thuê Cầu Vệ sinh	13.200
03	Hợp đồng số 150/2017/HĐ-DV ngày 29/12/2017	Phòng Quản lý Đô thị thành phố Cà Mau	Gói dịch vụ công ích gồm : Công tác thoát nước; Cây Xanh; Chiếu sáng đô thị	19.608.530
04	Hợp đồng số 01/2018/HĐ-KT ngày 26/01/2018	UBND Thị trấn Thới Bình	Cắt tỉa cây xanh	16.008
05	Hợp đồng số 03/2018/HĐ-KT ngày 20/03/2018	Công ty TNHH MTV Cảnh Quang Đô thị Trọng Tín	Mua cây xanh	50.840
06	Hợp đồng số 04/2018/HĐ-KT ngày 24/03/2018	Công ty TNHH TM Nhật Quang	Mua vật tư ngành điện	40.238
07	Hợp đồng số 12/2018/HĐ-DV ngày 02/04/2018	Phòng Tài nguyên và Môi Trường thành phố Cà Mau	Gói dịch vụ công ích Vệ sinh môi trường TP. Cà Mau năm 2018	8.209.590

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá

Bảng 12: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
giai đoạn 2016 - 30/06/2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2016	NĂM 2017	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	69,538	71,061	69,540
	Trong đó:				
	- Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	15,862	16,120	15,690
	- Tài sản dài hạn	Tr. đồng	53,676	54,941	53,850
2	Vốn chủ sở hữu theo sổ sách KT	Tr. đồng	13,791	13,905	13,905
3	Nợ phải trả	Tr. đồng	55,671	57,080	55,559
	Trong đó:				
	- Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	13,075	14,484	12,963
	- Nợ dài hạn	Tr. đồng	42,596	42,596	42,596
4	Các khoản phải thu	Tr. đồng	46,134	48,969	52,833
	Trong đó:				
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr. đồng	7,701	10,376	14,090
	- Các khoản phải thu dài hạn	Tr. đồng	38,433	38,593	38,743
7	Lao động	Người	202	205	212
8	Thu nhập bình quân /người/tháng	Tr. đồng	8,225	8,315	7,888
9	Tổng doanh thu	Tr. đồng	38,925	39,413	22,474
10	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	5,775	5,879	2,506
11	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4,620	4,703	2,004

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2016	NĂM 2017	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH	%	0.34	0.34	0.14

(¹): Số liệu lấy theo mã số 410/Bảng cân đối kế toán của Công ty

(²): Gồm: Mã số (10+21+31) Báo cáo KQKD của Công ty

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, 2017

và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau)

3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Cà Mau chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan trong đó có nhiều yếu tố tác động thuận lợi đến quá trình hoạt động nhưng cũng có không ít yếu tố gây khó khăn cho việc kinh doanh của Công ty.

a. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố Cà Mau đã tạo điều kiện cho Công ty hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cà Mau còn là đô thị trẻ, đang trên đà phát triển. Do đó, Công ty có nhiều cơ hội để mở rộng và phát triển việc khai thác các sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị.

Đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty lành nghề, luôn có tinh thần trách nhiệm cao và ý thức làm việc hiệu quả, nỗ lực nâng cao chất lượng công việc, tạo điều kiện và nguồn lực để Công ty hoàn thành các kế hoạch đã đề ra.

b. Khó khăn

Tình trạng nguồn kinh phí của Thành phố còn hạn chế đã dẫn đến việc cắt giảm các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động đầu tư khác, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, vốn điều lệ thấp, chủ sở hữu không cấp đủ vốn điều lệ theo giấy phép kinh doanh là 30 tỷ, nên làm hạn chế năng lực về tài chính để tham gia các gói thầu.

Tình trạng người dân đổ rác thải bừa bãi trong đô thị vẫn còn diễn ra thường xuyên. Việc này vừa làm cho môi trường bị ô nhiễm, việc thu gom và xử lý rác thải khó khăn đồng thời cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác của Công ty.

Lợi nhuận của Công ty thấp, chủ yếu dựa vào nguồn chi trả của Thành phố cho các dịch vụ công ích nên khó cạnh tranh, trình độ người lao động không đồng đều.

IX. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và là đơn vị cung cấp các dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Cà Mau nên Công ty luôn giữ mối quan hệ với các cơ quan ban ngành của các địa phương. Đây là điều thuận lợi cho Công ty khi tham gia các công trình công ích của Thành phố và gia tăng uy tín của Công ty.

Trong suốt những năm hoạt động và kinh doanh Công ty đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Công ty đã có những cố gắng và nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong các ngành cung cấp các dịch vụ công ích cũng như sự tín nhiệm của khách hàng.

2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong những năm tới, để đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nhu cầu về sinh môi trường, đặc biệt là tại khu vực đô thị, dân cư đông đúc nên công tác quản lý và cung cấp các dịch vụ công ích tiếp tục là một ngành nhiều tiềm năng phát triển.

Tầm nhìn đến năm 2025, sẽ phát triển ngành Công nghiệp môi trường thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng trong cơ cấu phát triển ngành công nghiệp Việt Nam; phát triển các doanh nghiệp Công nghiệp môi trường, các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao về môi trường có khả năng giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên. Có thể thấy các hoạt động nhằm phát triển ngành Công nghiệp môi trường tại Việt Nam cần cân đối và hài hòa giữa ba lĩnh vực chính: Dịch vụ môi trường, phát triển công nghệ và sản xuất thiết bị, phát triển và phục hồi tài nguyên thiên nhiên.

Như vậy, sự phát triển ngành Công nghệ môi trường nói chung và ngành Môi trường đô thị nói riêng cần được thực hiện từng bước chắc chắn để ngành này trở thành một ngành kinh tế quan trọng với các sản phẩm đặc thù của ngành. Trong quá trình phát triển, cần đặc biệt đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, từ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chế tạo thiết bị đến cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng tài nguyên.

3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty xây dựng mục tiêu, chiến lược cụ thể gồm tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tích cực các nguồn lực nhằm nâng cao kết quả hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ trương quản lý chất lượng và nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên để dịch vụ đạt hiệu quả cao, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững.

Định hướng phát triển của Công ty được xây dựng hoàn toàn phù hợp và đi đúng hướng với quan điểm và định hướng phát triển của ngành, dựa trên kết quả tìm hiểu nhu cầu thị trường về các lĩnh vực cấp nước cũng như định hướng chính sách của Nhà nước.

X. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Định hướng phát triển của Công ty sau cổ phần hóa

Định hướng kinh doanh:

- Mục tiêu lợi nhuận: Thực hiện sắp xếp định biên lao động, tổ chức lại bộ máy quản lý, đổi mới công nghệ, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu nâng cao lợi nhuận.

- Mục tiêu thị trường: nắm giữ thị trường, địa bàn hoạt động thuộc thành phố Cà Mau kết hợp nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ.

- Đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty; thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Định hướng phát triển:

- Phát triển thị trường, mở rộng địa bàn hoạt động đến các huyện, thị khác trong tỉnh, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm.

- Đẩy mạnh một số lĩnh vực trong phạm vi ngành nghề của Công ty như: thi công các công trình công cộng; xử lý rác thải thông thường, rác thải nguy hại; xử lý nước thải;...

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 – 2020

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 của công ty TNHH MTV Môi Trường đô thị Cà Mau đã được phê duyệt, kết quả kinh doanh trong 03 năm từ năm 2015 đến năm 2017, kế hoạch năm 2018 đang thực hiện cũng như căn cứ tình hình kinh tế trong nước và của tỉnh Cà Mau hiện nay. Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018-2020 với các chỉ tiêu như sau:

* *Nhiệm vụ Công ích:*

- Thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt;
- Quét dọn, vệ sinh đường phố;
- Sân vét hệ thống thoát nước đô thị và khu công nghiệp;
- Quản lý, chăm sóc cây xanh, vườn hoa, công viên;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa đèn chiếu sáng đô thị;

* *Nhiệm vụ khác:*

- Thiết kế, thi công các công trình công cộng;

- Xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại;
- Sản xuất thùng chứa rác, xe kéo rác;
- Cung cấp các dịch vụ thuộc môi trường đô thị.

*** Bảng kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:**

TT	Sản lượng	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Thu gom rác thải sinh hoạt	Khách hàng	24.500	25.500	26.500
2	Vệ sinh đường phố	Ha	10.250	10.500	11.000
3	Sân vét hệ thống thoát nước	M3	4.630	4.860	5.100
4	Quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị	Cây	5.720	6.500	7.000
5	Quản lý, sửa chữa chiếu sáng đô thị	Trạm	170	190	200

*** Bảng kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh đến năm cuối kỳ kế hoạch:**

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	Tr đồng	39.000	41.000	42.000
2	Chi phí	"	33.100	36.400	37.000
3	Lợi nhuận	"	5.900	4.600	5.000
4	Nộp ngân sách	"	3.100	3.400	3.600

*** Bảng kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm:**

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Thu gom rác SH	Huyện, TP	01	03	03
2	Vận chuyển rác	"	03	05	05
3	Xử lý rác	Công trình	01	01	01
4	Thi công XDCT	"	03	04	05

Kế hoạch đầu tư phát triển:

*** Kế hoạch đầu tư các dự án trong giai đoạn kỳ kế hoạch:**

Đầu tư phương tiện, thiết bị trong kỳ (ô tô chuyên dùng) dự kiến bằng nguồn vốn tích lũy của Công ty hàng năm, thay thế dần các phương tiện cũ kỹ nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu vận chuyển rác thải và các dịch vụ trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Kế hoạch đầu tư cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Xe ô tô chuyên dụng	Chiếc	02	02	02
2	Trụ sở, nhà xưởng	Công trình	01	00	01
3	Xử lý rác	Công trình	01	01	01

* *Kết quả và kế hoạch đầu tư đến năm cuối kỳ kế hoạch:*

TT	Tên dự án	ĐVT	Giai đoạn 2016-2020	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1	Xe ô tô chuyên dụng	Chiếc	11	17.000	Giá trị đầu tư tạm tính
2	Trụ sở, nhà xưởng	Công trình	03	5.000	
3	Xử lý rác	Công trình	03	10.000	

Các giải pháp thực hiện:

* **Giải pháp về sản xuất:**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với phần việc giao khoán, cải tiến quy trình thực hiện công tác cho phù hợp với từng giai đoạn, sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng theo yêu cầu.

- Phối hợp với chính quyền các cấp hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc thực hiện dịch vụ công ích và nhiệm vụ vệ sinh môi trường.

- Sửa chữa, nâng cấp và bảo dưỡng các trang thiết bị phục vụ công tác, nhất là các phương tiện chuyên dùng vận chuyển rác và thùng kéo rác. Tiến đến sản xuất thùng composite, đầu tư thiết bị cơ giới trong công tác sên vét hệ thống thoát nước thay dần lao động thủ công. Duy tu, bảo dưỡng định kỳ các loại phương tiện, máy móc thiết bị....

- Duy trì ổn định về tổ chức, cải tiến phương thức sản xuất trong các Đội, tổ lao động trực tiếp.

* **Giải pháp về quản lý khách hàng dịch vụ tư:**

- Thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng, xây dựng quảng bá thương hiệu qua chất lượng các sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp.

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ từng đối tượng khách hàng đang sử dụng dịch vụ do công ty cung cấp dịch vụ, hạn chế mức thấp nhất việc thu chưa đúng các đối tượng khách hàng nhằm tăng doanh thu cho công ty.

- Từng bước ổn định và tự chủ trong công tác thu tiền dịch vụ vệ sinh. Giảm tỷ lệ thất thu xuống mức thấp nhất. Đảm bảo khách hàng tăng trưởng hàng năm.

* Giải pháp về tài chính:

- Chấn chỉnh lại việc thu tiền vệ sinh, kịp thời, dứt điểm tránh tồn đọng, xây dựng và đề xuất giá vệ sinh hợp lý (điều chỉnh giá dịch vụ cho phù hợp).

- Huy động nguồn vốn bên ngoài bằng nhiều hình thức để nâng cao năng lực tài chính; thanh toán dịch vụ công ích huyện và thành phố không để tồn đọng nhiều.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch tài chính với các chỉ tiêu rõ ràng, sát đúng, giảm thiểu một cách thấp nhất về các khoản chi phí phát sinh.

- Sử dụng vốn đầu tư theo hướng an toàn, hiệu quả và bền vững trong việc đầu tư mở rộng quy mô và phát triển ngành nghề.

* Giải pháp về marketing:

- Đầu mạnh quảng bá các dịch vụ và kinh doanh vật tư chuyên ngành trên phương tiện thực hiện dịch vụ, trên hóa đơn dịch vụ, trang tin điện tử của Công ty và các kênh thông tin khác.

- Tìm kiếm đối tác, cơ hội kinh doanh, tìm kiếm thị trường trong phạm vi ngành nghề tại các địa phương, các đô thị đang phát triển. Vừa góp phần bảo vệ môi trường vừa tăng doanh số cho đơn vị.

* Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Rà soát, đánh giá năng lực, trình độ cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động của toàn công ty để sắp xếp, bố trí hợp lý tạo điều kiện phát huy năng lực cá nhân.

- Đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng để các nhóm chiến lược đạt mục tiêu đề ra.

- Đối với bộ phận làm việc có liên quan đến khách hàng, ngoài chuyên môn thì mỗi cá nhân sẽ được trang bị những kỹ năng cần thiết để làm hài lòng khách hàng, đạt được mục tiêu kinh doanh và phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất.

- Công tác tuyển dụng và đào tạo đặt trọng tâm cho hoạt động của đơn vị, tuyển dụng lao động phổ thông phải có trình độ từ trung học cơ sở trở lên.

- Nhân lực lao động trực tiếp phải có tính tự giác, chủ động trong công việc. Đào tạo lao động quản lý điều hành trực tiếp sản xuất giỏi tay nghề, đảm bảo lao động chất lượng, an toàn. Thường xuyên nhắc nhở, giáo dục đội ngũ lao động trực tiếp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động phòng chống các bệnh nghề nghiệp nhất là bộ phận thu gom rác nâng cao tinh thần thái độ phục vụ khách hàng, cư xử hòa nhã với khách hàng, mỗi lao

động phải có ý thức xác định mục tiêu chính sách của Công ty là dịch vụ công ích và vệ sinh môi trường vì một đô thị Xanh – Sạch – Đẹp.

*** Giải pháp về kỹ thuật - công nghệ:**

- Đầu tư đổi mới thiết bị cơ giới hiện đại, thực hiện đạt năng suất, chất lượng, đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị. Áp dụng kinh nghiệm thực tiễn và khoa học kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất kinh doanh.

- Trang bị hệ thống máy tính đồng bộ, có nối mạng phục vụ trong việc quản lý và chia sẻ dữ liệu khách hàng, xử lý công việc nội bộ và phục vụ văn phòng.

XI. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau, vốn điều lệ của Công ty cổ phần là **13.107.000.000 đồng**, trong đó:

Bảng 13: Cơ cấu vốn điều lệ

TT	Cổ đông	SL CP sở hữu	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn Điều lệ (%)
1	Nhà nước	642,243	6,422,430,000	49.00%
2	Người lao động	92,000	920,000,000	7.02%
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm thực tế làm việc</i>	<i>92,000</i>	<i>920,000,000</i>	<i>7.02%</i>
	<i>Cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0.00%</i>
3	Công đoàn Công ty	-	-	0.00%
4	Nhà đầu tư chiến lược	-	-	0.00%
5	Nhà đầu tư khác	576,457	5,764,570,000	43.98%
	Tổng	1,310,700	13,107,000,000	100.00%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau

Cơ cấu vốn điều lệ chính thức của Công ty cổ phần sẽ được xác định sau khi có kết quả bán cổ phần và được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt.

2. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần: Chưa có

XII. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

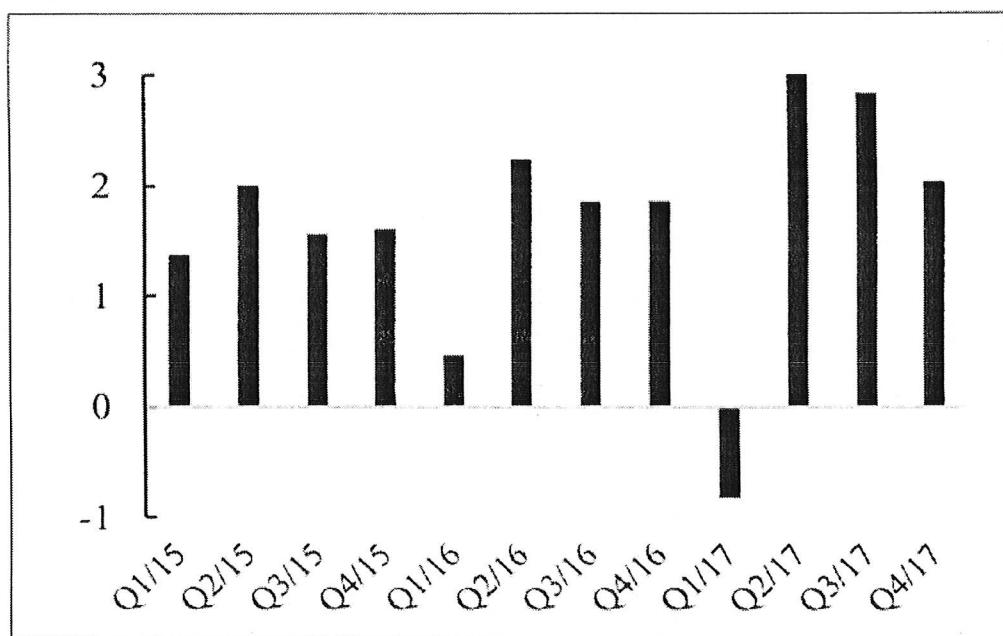
Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Năm 2017, kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6% (cao hơn 0,5 điểm % so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Xét ở Việt Nam, GDP 2017 ước tăng 6,7%, cao hơn khoảng 0,5 điểm % so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế. Trong 0,5 điểm % tăng thêm của tăng trưởng năm 2017 so với năm 2016, khu vực dịch vụ đóng góp nhiều nhất với 0,26 điểm % nhờ kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán buôn bán lẻ và ngành du lịch, tiếp theo là khu vực nông, lâm, thủy sản với 0,23 điểm %, và cuối cùng khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 0,04 điểm %. Đáng chú ý là trong bối cảnh ngành khai khoáng tiếp tục giảm sâu, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đã có mức tăng trưởng cao nhất trong những năm gần đây để trở thành động lực dẫn dắt khu vực công nghiệp và xây dựng duy trì mức tăng tương đương năm 2016.

Tăng trưởng GDP quý so quý trước (Từ Quý I/2015 đến Quý 4/2017 – Loại bỏ yếu tố mùa vụ)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng GDP nhanh sẽ kéo theo tăng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và ngược lại. Do đó, những biến động của chỉ số GDP ảnh

hướng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty nói chung và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau nói riêng.

❖ **Lạm phát:**

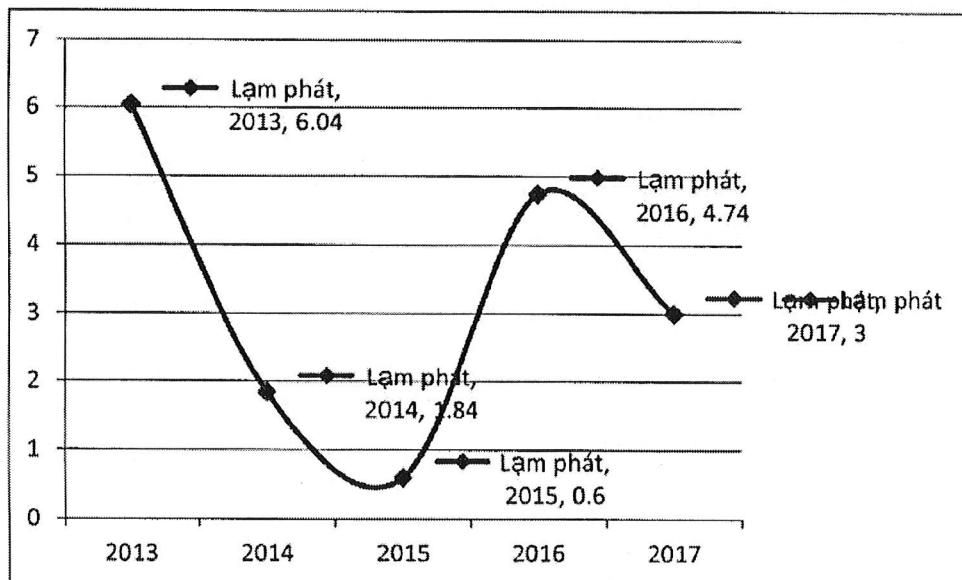
Lạm phát tổng thể của Việt Nam năm 2017 ước tăng khoảng 3% so với năm 2016, là năm thứ 4 liên tiếp lạm phát duy trì ở mức thấp dưới 5% và cho thấy nền tảng của ổn định vĩ mô đang được thiếp lập rõ nét.

Lạm phát thấp hơn so với năm 2016 do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Cụ thể: Giá dịch vụ y tế tăng khoảng 45% và giáo dục tăng khoảng 8% so với cùng kỳ, ước làm CPI tổng thể tăng 2,1 điểm % (thấp hơn mức 3,1 điểm % năm 2016). Trong khi đó, giá thực phẩm giảm mạnh trong những tháng đầu năm đã góp phần làm CPI tổng thể giảm khoảng 0,7 điểm % so với năm 2016.

Ở chiều ngược lại, do chịu tác động của sự tăng giá dầu và giá sắt thép trên thế giới, nhóm giao thông và nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng trong năm 2017 cũng đã tăng lần lượt 5% và 7% so với năm trước, đóng góp làm CPI tổng thể tăng khoảng 0,81 và 0,49 điểm %.

Năm 2017 là năm thứ 3 liên tiếp lạm phát cơ bản duy trì ổn định ở mức dưới 2% (năm 2017: 1,7%; năm 2016: 1,87%; năm 2015: 1,69%). Về phía chi phí đẩy, chi phí sản xuất không có sự gia tăng đáng kể (9 tháng đầu năm 2017 chỉ số giá sản xuất tăng 0,71% so với cùng kỳ năm trước).

Tốc độ lạm phát qua các năm (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức dưới hai con số sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây ra không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Công ty hoạt động trong dưới thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chung cũng như chuyên ngành đều chưa chặt chẽ và thống nhất. Những quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật xây dựng, v.v. cũng như các quy định khác liên quan tới ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp một cách trực tiếp hay gián tiếp.

3. Rủi ro đặc thù

Trong những năm qua việc triển khai thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn không phải dựa trên căn cứ khối lượng để lập dự toán trình cấp thẩm quyền phê duyệt mà dựa trên nguồn vốn ngân sách thành phố bố trí cho lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị hàng năm, rồi tiến hành rà soát cắt giảm khối lượng, tiết kiệm chi phí theo tỷ lệ cho phù hợp với nguồn vốn được bố trí, đây là vấn đề hết sức khó khăn cho doanh nghiệp khi hoạch định kế hoạch doanh thu và chi phí hàng năm.

Hoạt động của lĩnh vực đô thị công ích phụ thuộc rất nhiều đến nhận thức của người dân. Một số hộ dân chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm trong việc bảo vệ tài sản công cộng, cũng như vệ sinh môi trường, vẫn còn tình trạng xả rác, nước thải bừa bãi, đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước thải vì vậy gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc bán cổ phần ảnh hưởng rất nhiều đến việc chính quyền đô thị có ổn định các dịch vụ đô thị hay không (nếu việc đấu thầu các dịch vụ trong năm 2019 sẽ ảnh hưởng đến việc bán cổ phần đối với các nhà đầu tư).

Doanh thu các dịch vụ hoạt động công ích ổn định qua các năm trong khi đó giá trị tài sản của doanh nghiệp lớn dẫn đến tỷ lệ chia cổ tức thấp, giảm sức thu hút đối với nhà đầu tư.

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu mà mỗi quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư vì vậy có thể xảy ra khả năng không phân phối hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá.

5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như: rủi ro do hỏa hoạn, rủi ro thiên tai....Những rủi ro này có thể sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần.

XIII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

1.1. Bán cổ phần cho người lao động

a. Cổ phần bán ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước

- Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 212 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: 212 người.
- Tổng số năm công tác được mua cổ phần: 920 năm, tương ứng với tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi là: 92.000 cổ phần.
- Số cổ phần được mua tối đa cho một năm công tác của 01 người lao động: 100 cổ phần/năm.
- Tổng số cổ phần bán cho người lao động ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước: 92.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,02% vốn điều lệ.
- Giá bán: Bằng 60% giá trị một cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần)
- Số lượng cổ phần người lao động mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước không được chuyển nhượng trong vòng 03 (ba) năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần.
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá công khai.

b. Cổ phần bán ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

- Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần như sau:

+ Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động:

- Số người được mua: 0 người
- Số cổ phần đã đăng ký: 0 cổ phần

+ Mua thêm 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người đối với đối tượng là chuyên gia giỏi và cán bộ quản lý có nghiệp vụ cao:

- Số người được mua: 0 người
- Số cổ phần đã đăng ký: 0 cổ phần
- Tổng số lao động có cam kết tiếp tục làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất 03 năm (36 tháng) kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi theo mô hình Công ty cổ phần là: 0 người.
- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi thêm: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ."
- Giá bán: là giá khởi điểm được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án cổ phần hóa (15.700 đồng/cổ phần).
- Thời gian thực hiện: Sau khi bán đấu giá công khai.

1.2. Cổ phần bán ưu đãi cho Công đoàn

- Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn là 0 cổ phần, với tổng mệnh giá là 0 đồng, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Ban chấp hành Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau đã có văn bản gửi Chủ tịch Công ty và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau, theo đó căn cứ vào tình hình tài chính hiện tại của Công đoàn, Ban chấp hành Công đoàn thống nhất không mua cổ phần ưu đãi của Công ty với tỷ lệ biểu quyết là 100,00% (có Biên bản họp Ban chấp hành Công đoàn ngày 28/02/2019)

1.3. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Căn cứ Điều b, Khoản 3, Điều 6 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau không thuộc nhóm các doanh nghiệp mà Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau không thuộc nhóm đối tượng cần tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

1.4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

a. Đối tượng bán cổ phần

Nhà đầu tư thông thường trong nước, nước ngoài (quy định tại Điều 6 và Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP), bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong Công ty) ngoại trừ các đối tượng được quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số

126/2017/NĐ-CP, không được tham gia đấu giá mua cổ phần do Công ty phát hành lần đầu gồm:

- Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp trừ các thành viên là đại diện của Công ty;
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và có quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- Người có liên quan theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 của tổ chức và cá nhân quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm d Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

b. Phương thức bán cổ phần

Đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian.

c. Khối lượng bán cổ phần

Số cổ phần bán đấu giá công khai cho các Nhà đầu tư là: 576.457 cổ phần, có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần: 5.764.570.000 đồng (*Năm tỷ bảy trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng*), chiếm 43,98% vốn điều lệ.

d. Giá khởi điểm:

Giá khởi điểm được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng trên cơ sở:

- Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau được phê duyệt tại Quyết định số 2132/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND Tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Cà Mau, đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được xác định lại do cơ quan có thẩm quyền công bố và tiềm năng của doanh nghiệp trong tương lai;

- Giá khởi điểm được xác định như sau:

$$\text{Giá khởi điểm} = \frac{\text{Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước}}{\text{Số cổ phần dự kiến phát hành}} = \frac{20.536.778.000}{1.310.700} = 15.669 \text{ đồng}$$

Căn cứ trên tình hình sản xuất kinh doanh, đặc thù ngành cũng như kế hoạch trong sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, để bảo toàn vốn Nhà nước, Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau kiến nghị mức giá khởi

điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau là **15.700 đồng/cổ phần** (Bằng chữ: Mười lăm nghìn bảy trăm đồng/cổ phần).

e. Thời gian, địa điểm tổ chức bán cổ phần

- Thời gian thực hiện: Sau khi có Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa.
- Địa điểm tổ chức đấu giá công khai: Công ty cổ phần chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Nam.

Thời gian, địa điểm, phương thức bán cổ phần ra bên ngoài sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần do Tổ chức thực hiện đấu giá được lựa chọn ban hành.

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với người lao động: Theo thông báo bán cổ phần cho người lao động do Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau ban hành.
- Đối với nhà đầu tư trung đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần do Quy chế bán đấu giá cổ phần do Tổ chức thực hiện đấu giá được lựa chọn ban hành.

XIV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu và sử dụng tiền từ bán cổ phần chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giá sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 15.700 đồng/cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 15.700 đồng/ cổ phần, giá bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên là 6.000 đồng/cổ phần):

Bảng 14: Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục	Số tiền (đồng)
1	Giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	a 13.107.616.824
2	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	b 13.107.000.000
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	c 9.602.374.900
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV	552.000.000
	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (mua theo giá bán là 6.000 đồng/cổ phần)</i>	552.000.000

	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần</i>		-
3.2	Thu từ bán cổ phần cho công đoàn		-
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		-
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		9.050.374.900
4	Phần chênh lệch giữa giá trị vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán với vốn điều lệ	$d = a - b$	616.824
5	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	E	926.000.000
6	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	F	368.305.385
7	Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh Nghiệp	$g = c + d - e - f$	8.308.686.339

Nguồn: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau

XV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐÓI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá

Ông: Huỳnh Quốc Việt

Chức vụ: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư -
Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH
MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau

- Ông: Dương Thành Nghĩa Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc.
- Ông: Nguyễn Quốc Tuấn Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau.

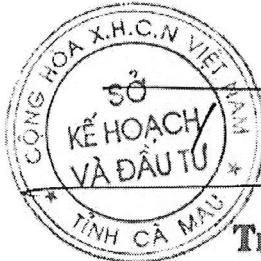
3. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán Agibank – Chi nhánh Miền Nam

Ông Nguyễn Hoàng Tùng Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank – Chi nhánh Miền Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn nguồn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Cà Mau cung cấp.

Cà Mau, ngày ... tháng ... năm 2019

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ CÀ MAU *Tuan*
XT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tâm

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

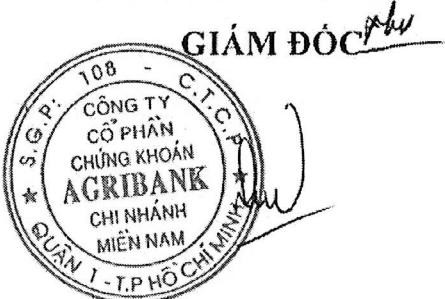
Dương Thành Nghĩa

Nguyễn Quốc Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A large handwritten signature "Nguyễn Quốc Tuấn" is written over a line, with a wavy line underneath it.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
- CHI NHÁNH MIỀN NAM



Nguyễn Hoàng Tùng